

Bản án số: 58/2023/DS-ST
Ngày 07/9/2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Xuân Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Cơ**

Bà **Huỳnh Thị Ánh Nguyệt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Chu Thị Phương Thùy** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2023/TLST-DS ngày 01/6/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu N**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 142/15 Hàm Nghi, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng - Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Diễm Đ**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 68 Đặng Minh Khiêm, tổ 31, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Tuyết N1**, sinh năm 1984; Địa chỉ: K14/18 Hải Phòng, tổ 26, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng - Vắng mặt có lý do (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thu N trình bày:

Bà Trần Thị Thu N và bà Nguyễn Thị Tuyết N1 là bạn thân. Thông qua sự giới thiệu của bà Nguyễn Thị Tuyết N1 là trung gian, vào ngày 03/11/2022 bà Trần Thị Thu N có cho bà Trần Thị Diễm Đ vay số tiền 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) với lãi suất bà Đ ghi tại Giấy mượn

tiền ngày 03/11/2022 là lãi theo ngân hàng (nhưng thực tế lãi 0,25%/ 1 ngày), mục đích vay để bà Đ đáo hạn ngân hàng. Thời hạn trả lãi bắt đầu tính từ ngày 20/12/2022 đến ngày 20/3/2023, bắt đầu từ ngày 20/4/2023 tiền gốc mỗi tháng trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Tuy nhiên từ đó đến nay bà Đ chưa trả bà N đồng nào tiền gốc và lãi. Nay bà N yêu cầu bà Đ trả dứt điểm 01 lần số nợ gốc 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn), ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Thu N khai bổ sung: Việc bà N1 khai rằng bà cho bà Đ vay bà N với lãi suất 2,25%/ 1 ngày (trong đó bà N hưởng lãi 2%, còn bà N1 hưởng lãi 0,25%) là hoàn toàn không đúng sự thật bởi vì giữa bà và bà Đ thỏa thuận với nhau là lãi suất 0,25%/ 1 ngày (trong đó bà N hưởng lãi 0,2%/ 1 ngày, còn bà N1 hưởng lãi 0,05%/ 1 ngày). Tuy nhiên thực tế thì từ khi vay 03/11/2022 đến nay bà Đ chưa trả bà N tiền lãi và gốc.

Theo bà N thì bà N1 có nhận từ bà Đ số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) là tiền bà Đ trả bà N nhưng bà N1 không đưa số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) này cho bà N.

* Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Diễm Đ trình bày:

Bà Trần Thị Thu N và bà Nguyễn Thị Tuyết N1 là bạn thân. Thông qua sự giới thiệu của bà Nguyễn Thị Tuyết N1 là trung gian, vào ngày 03/11/2022 bà Trần Thị Thu N có cho bà Trần Thị Diễm Đ vay số tiền 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) với lãi suất bà Đ ghi tại Giấy mượn tiền ngày 03/11/2022 là lãi theo ngân hàng (nhưng thực tế lãi suất là 0,25%/ 1 ngày chứ không phải 2,25%/ 1 ngày như bà N1 khai), mục đích vay để bà Đ đáo hạn ngân hàng. Thời hạn trả lãi bắt đầu tính từ ngày 20/12/2022 đến ngày 20/3/2023, bắt đầu từ ngày 20/4/2023 tiền gốc mỗi tháng trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Tuy nhiên từ đó đến nay bà Đ chưa trả bà N đồng nào tiền gốc và lãi, lý do là bà Đ làm ăn thua lỗ, kinh tế gặp nhiều khó khăn. Nay bà N yêu cầu bà Đ trả dứt điểm 01 lần số nợ gốc 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) thì bà Đ đồng ý trả nợ gốc 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) nhưng do khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng từ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn) đến 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn) cho đến khi hết nợ.

Theo bà N khai rằng bà N1 có nhận từ bà Đ số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) là tiền bà Đ trả bà N nhưng bà N1 không đưa số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) này cho bà N là hoàn toàn không đúng sự thật, mà theo bà Đ thì không có việc bà Đ đưa số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) cho bà N1 để trả bà N như bà N khai.

* Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết N1 trình bày:

Bà và bà Trần Thị Thu N là bạn thân. Bà Trần Thị Diễm Đ có nhu cầu mượn tiền và bà không có tiền nên đã hỏi bà N có tiền để cho mượn không và bà N đã cho bà Đ mượn số tiền 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Theo bà N1 thì trong sự việc này bà chỉ là là người trung gian giới thiệu việc mượn tiền giữa bà Đ và bà N, còn bà không liên quan đến sự việc trên. Qua sự việc này bà N1 mong muốn bà Đ thực hiện trả tiền cho bà N theo đúng cam kết trên giấy mượn tiền.

Bà N1 khai rằng hoàn toàn không có việc bà Đ chuyển khoản cho bà N1 số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) và bà Đ cũng đã thực hiện việc xác nhận nợ số tiền đúng với bà N là 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Theo bà N1 thì bà Đ mượn của bà N số tiền 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) là theo lãi suất 2,25%/ 1 ngày (trong đó bà N hưởng lãi 2%, còn bà N1 hưởng lãi 0,25%).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Tuyết N1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Tuyết N1.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì thấy:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do bà Trần Thị Thu N cung cấp là Giấy mượn tiền ngày 03/11/2022 và theo lời khai của các đương sự thể hiện: Vào ngày 03/11/2022 bà N có cho bà Trần Thị Diễm Đ vay số tiền 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) với lãi suất bà Đ ghi tại Giấy mượn tiền ngày 03/11/2022 là lãi theo ngân hàng (nhưng tại

phiên tòa cả bà Đ và bà N đều khai rằng lãi 0,25%/ 1 ngày). Thời hạn trả lãi bắt đầu tính từ ngày 20/12/2022 đến ngày 20/3/2023, bắt đầu từ ngày 20/4/2023 tiền gốc mỗi tháng trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn). Tuy nhiên từ khi vay 03/11/2022 đến nay bà Đ chưa trả đồng nào cho bà N.

Nay bà Trần Thị Thu N yêu cầu bà Trần Thị Diễm Đ trả dứt điểm một lần số tiền 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn), ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Xét khởi kiện của bà N phù hợp với lời khai của bà Đ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như bà Đ không phản đối yêu cầu khởi kiện của bà N, đồng ý trả bà N số tiền 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) nên yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu N đối với bà Trần Thị Diễm Đ về việc yêu cầu trả số tiền 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với việc bà Đ xin trả dần mỗi tháng từ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn) đến 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn) cho đến khi hết nợ vì đang gặp khó khăn về kinh tế. Xét yêu cầu xin trả dần của bà Đ không được bà N chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà Đ.

Đối với tiền lãi: Bà Trần Thị Thu N không yêu cầu bà Trần Thị Diễm Đ trả tiền lãi suất do chậm thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về việc lãi suất cho vay giữa các bên: Theo Giấy mượn tiền ngày 03/11/2022 thì bà Đ ghi là lãi suất theo ngân hàng nhưng tại phiên tòa cả bà Đ và bà N đều khai rằng lãi 0,25%/ 1 ngày (tương đương lãi 90%/ 1 năm) là lãi suất do hai bên tự thỏa thuận vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nhưng chưa đến mức vi phạm pháp luật hình sự về “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tại Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, mặt khác từ ngày vay 03/11/2022 đến nay bà Đ chưa trả bà N đồng nào tiền gốc và lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét đến vấn đề lãi suất vay giữa các bên.

Đối với số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) mà bà N khai rằng là bà Đ trả bà N thông qua bà N1 nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh và bà Đ phủ nhận việc này. Nếu sau này giữa bà N và N1 có tranh chấp về số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) nêu trên thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí:

[3.1] Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị Diễm Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

$72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times 250.000.000 \text{ đồng} = 77.000.000 \text{ đồng}$ (Bảy mươi bảy triệu đồng).

[3.2] Bà Trần Thị Thu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị Thu N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 38.500.000 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000902 ngày 31/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng:

- Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Trần Thị Thu N đối với bà Trần Thị Diễm Đ.

Xử:

1. Buộc bà Trần Thị Diễm Đ phải trả cho bà Trần Thị Thu N số tiền 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị Thu N có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Trần Thị Diễm Đ không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Trần Thị Diễm Đ phải chịu thêm khoản tiền lãi, ương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Trần Thị Diễm Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng).

3.2. Bà Trần Thị Thu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị Thu N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 38.500.000 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000902 ngày 31/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) kết quả xét xử tại nơi cư trú.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Hương